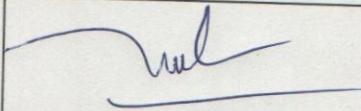
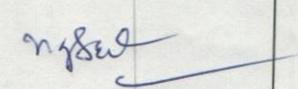
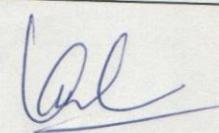


| | | |
|---|---|--|
|  | <p>BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA KHOA XÉT NGHIỆM</p> <p>QUY TRÌNH CHUẨN (SOP) QUẢN LÝ SỬ DỤNG VẬT TƯ TIÊU HAO, HÓA CHẤT, SINH PHẨM TẠI KHOA XÉT NGHIỆM</p> | <p>Mã số: QT.XN.01.24 Phiên bản: 1.0 Ngày ban hành : 05/9/2024</p> |
|---|---|--|

| | Người biên soạn | Người xem xét | Người phê duyệt |
|--------|---|--|---|
| Họ tên | Trần Thị Kiều Mai Lý | Nguyễn Trường Sa | Lê Quang Lệnh |
| Ký tên |  |  |  |
| Ngày | 21/4/2024 | 20/6/2024 | 05/9/2024 |

| THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU | | | | |
|---------------------------|----------------|--------------------------|----------|-----------|
| Số phiên bản | Vị trí sửa đổi | Nội dung xem xét/sửa đổi | Ngày sửa | Người sửa |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Tài liệu nội bộ

| | |
|---|------------------------|
| QUY TRÌNH CHUẨN (SOP) QUẢN LÝ SỬ DỤNG VẬT TƯ TIÊU HAO, HÓA CHẤT, SINH PHẨM TẠI KHOA XÉT NGHIỆM | KHOA XÉT NGHIỆM |
| Phiên bản: 1.0 | Mã số: QT.XN.01.24 |

1. Mục đích

Qui trình này quy định cách thức quản lý sử dụng vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm tại khoa Xét nghiệm Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa.

2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng tại khoa Xét nghiệm- Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa.

3. Trách nhiệm

- Kỹ thuật viên được phân công có trách nhiệm tuân thủ đúng quy trình.
- Kỹ thuật viên Trưởng khoa, phụ trách bộ phận có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy trình tại khoa.

4. Định nghĩa và chữ viết tắt

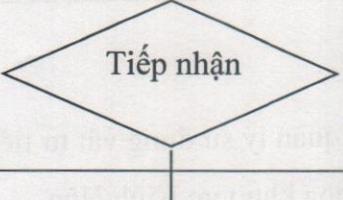
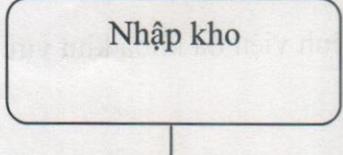
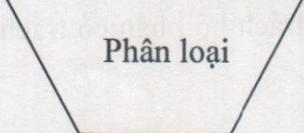
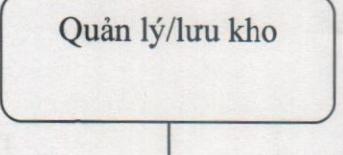
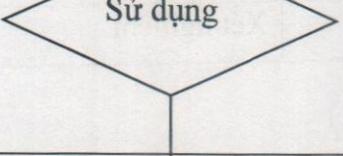
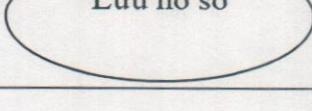
4.1. Định nghĩa

- SOP (Standard Operating Procedure) là văn bản hướng dẫn cụ thể, chỉ rõ cách tiến hành một công việc cụ thể trong công tác nhằm bảo đảm các hoạt động diễn ra một cách thống nhất theo đúng quy định.

4.2. Chữ viết tắt

| Chữ viết tắt | Điễn giải |
|--------------|--|
| QTQL | Quy trình quản lý |
| QLVTTH/HC/SP | Quản lý vật tư tiêu hao/hóa chất/sinh phẩm |
| SOP | Quy trình thực hành chuẩn |
| XN | Xét nghiệm |

5. Nội dung thực hiện

| Trách nhiệm | Các bước thực hiện | Mô tả, biểu mẫu |
|---------------------------------------|---|---|
| Nhân viên khoa XN |  | Nhận vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm theo phiếu lĩnh hóa chất được lập từ phần mềm HIS- VNPT. |
| Nhân viên khoa XN |  | <ul style="list-style-type: none"> - Nhập vào kho vật tư tiêu hao, hóa chất sinh phẩm. - Lưu phiếu lĩnh và xuất. - Có sổ theo dõi xuất vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm. |
| Nhân viên khoa XN |  | Phân loại vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm để bảo quản theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất. |
| Nhân viên khoa XN/Nhân viên phụ trách |  | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và lưu kho theo biểu mẫu. - Hàng tháng có báo cáo xuất, nhập, tồn - Hàng tháng báo sổ theo dõi vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm cận hạn về khoa Dược. - Hàng quý có kiểm kê, báo cáo số lượng tồn, hạn sử dụng, nước sản xuất của vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm |
| Nhân viên khoa XN |  | Xuất kho sử dụng theo biểu mẫu quy định |
| Nhân viên phụ trách |  | Kiểm tra, lưu hồ sơ |

6. Sắp xếp và bảo quản vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm tại khoa

- Vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm cần sắp xếp bảo quản theo quy định: nhiệt độ, độ ẩm.
- Sắp xếp theo chủng loại, thường xuyên kiểm tra hạn dùng.
- Có tủ lạnh bảo quản hóa chất, sinh phẩm, có nhiệt độ theo dõi tủ lạnh được cập nhập hàng ngày, đảm bảo hóa chất, sinh phẩm không bị hỏng, mất mát gây lãng phí.

7. Các loại hồ sơ và thời gian, nơi lưu trữ

| STT | Tên hồ sơ lưu | Nơi lưu | Thời gian lưu tối thiểu |
|-----|--|-------------------------------------|-------------------------|
| 1 | Dự trù vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm hàng năm | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 2 | Dự trù vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm hàng tháng | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 3 | Phiếu lĩnh vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 4 | Phiếu xuất kho vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 5 | Sổ theo dõi xuất vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm | Khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 6 | Theo dõi hạn dùng hóa chất | Khoa Xét nghiệm | 1 năm |
| 7 | Báo cáo xuất nhập tồn hàng tháng | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm; Kế toán | 1 năm |
| 8 | Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa | Khoa Dược; khoa Xét nghiệm; Kế toán | 1 năm |